

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-6-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng;
2. Ông Nguyễn Đăng Khoa;

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ngọc H1, sinh năm: 1998; Địa chỉ: Ấp 5, xã P, huyện C, tỉnh L, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh H2, sinh năm: 1996; Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H1 cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Chị H1 và anh H2 tổ chức đám cưới vào ngày 14/6/2015. Đến ngày 20/9/2016, vợ chồng thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68/2016. Hôn nhân của vợ chồng chị H1 là tự nguyện. Trước khi tiến tới hôn nhân thì vợ chồng chị H1 có tìm hiểu nhau được một thời gian. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau do anh H2 không lo làm để chăm lo cho vợ con, anh H2 đánh bạc gây nợ nần, chủ nhà đến nhà đòi nợ. Đến ngày 20/9/2019, mâu thuẫn vợ chồng đến đỉnh điểm và anh H2 rời khỏi nhà, không chung sống với chị H1 nữa. Từ ngày 30/9/2019 cho đến nay, anh H2 không có tìm chị H1 để hàn gắn tình cảm, cũng không về thăm con. Chị H1 nhận thấy tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H2.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc K1, sinh ngày

06/12/2015 và Nguyễn Hoàng K2, sinh ngày 28/02/2018. Từ khi vợ chồng không còn sống chung, 02 người con chung do chị H1 nuôi dưỡng nên chị H1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Minh H2. Anh H2 không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của chị H1 và cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Ngọc H1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh H2 có nơi cư trú tại Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Chị Trần Thị Ngọc H1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Minh H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ án vắng mặt đối với chị H1, anh H2.

[3] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc H1 và anh Nguyễn Minh H2 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68/2016 nên xác định hôn nhân giữa chị H1 và anh H2 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau do anh H2 không lo làm để chăm lo cho vợ con, anh H2 đánh bạc gây nợ nần, chủ nhà đến nhà đòi nợ. Đến ngày 20/9/2019, anh H2 rời khỏi nhà, không chung sống với chị H1 nữa. Chị H1 và anh H2 đã ly tH1 từ ngày 30/9/2019 cho đến nay. Về phía anh H2, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H2 nhưng anh H2 không đến Tòa án tham gia hòa giải theo thông báo của Tòa án cũng như không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị H1. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy cả chị H1 và anh H2 đều không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cũng như duy trì đời sống hôn nhân. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa chị H1 và anh H2 không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H1 đối với anh H2.

[4] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc K1, sinh ngày 06/12/2015 và Nguyễn Hoàng K2, sinh ngày 28/02/2018. Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian vợ chồng sống ly tH1, 02 người con do chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị H1 có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, anh H2 không có ý kiến gì về nội dung này, nên Hội đồng xét xử xét thấy giao cho chị H1 tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu K1 và K2 là phù hợp. Chị H1 không yêu cầu Tòa giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H1 trình bày không có, anh H2 không có ý kiến gì về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H1 về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh Nguyễn Minh H2.

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc H1 được ly hôn với anh Nguyễn Minh H2.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Trần Thị Ngọc H1 nuôi dưỡng người con chung chưa thành niên tên Nguyễn Ngọc K1, sinh ngày 06/12/2015 và Nguyễn Hoàng K2, sinh ngày 28/02/2018.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc H1 phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H1 đã nộp theo biên lai thu số 0005985 ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THADS huyện C;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

Nguyễn Võ Thu Xuân

